



jì bù qīng
记不清

verb phrase · cannot remember clearly

Example Sentences

wǒ jì bù qīng zuó tiān chī le shén me
我记不清昨天吃了什么。

I can't remember clearly what I ate yesterday.

tā jì bù qīng nà gè rén de míng zì le
他记不清那个人的名字了。

He can't remember that person's name clearly.

Trace each character, then write the word on your own.

记	记	记	记	记	记	记	记				
不	不	不	不	不	不	不					
清	清	清	清	清	清	清	清	清	清	清	清
清	清	清									